

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 15
Báo cáo thu nhập giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	16 - 17
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	20
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	21 - 22
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	23 - 24
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	25 - 59

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 đồng, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 278.482.268.900 đồng, tương đương với 27.848.226,89 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 12 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 2 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 02 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là -6,02% và -24,54% so với ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập).

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, hoặc có kế hoạch niêm yết/đăng ký giao dịch với vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao. Công ty có vốn hóa vừa được định nghĩa là công ty có vốn hóa nằm trong phạm vi vốn hóa của các cổ phiếu trong rổ chỉ số VNMIIDCAP.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu của công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao	Cao	Tỷ trọng đa số
Trái phiếu	Thấp	Hầu như không có Tuy nhiên, Quỹ có thể xem xét đầu tư các trái phiếu phát sinh từ việc thực hiện quyền mua của các cổ phiếu nắm giữ với tỷ trọng tối đa 10% tổng tài sản của Quỹ.
Tiền	Gần như không có rủi ro	Phần tiền chưa đầu tư

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 261.707.453.027 đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 27.848.226,89 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là thay đổi của chỉ số chứng khoán bao gồm 70 cổ phiếu có vốn hóa dạng vừa, sắp đặt theo trình tự thanh khoản và vốn hóa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định ("VNMIIDCAP").

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
Danh mục chứng khoán	91,03
Tài sản khác	8,97
Tổng cộng	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	261.707.453.027
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	27.848.226,89
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	9.397,63
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.754,48
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	8.984,13
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ (b)	-6,02
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	-5,96
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	-0,06
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,63
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	100,96

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
6 tháng (từ 01/01/2022 đến 30/6/2022)	-6,67	-29,69
1 năm (từ 30/6/2021 đến 30/06/2022)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	-6,02	-24,54
Từ khi thành lập (bình quân năm)	Không áp dụng	Không áp dụng

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Tiếp nối đà tăng trưởng trong Quý 1, GDP của Việt Nam trong Quý 2/2022 tiếp tục diễn biến khả quan và vượt mức kỳ vọng của các tổ chức dự báo bất chấp sự hỗn loạn toàn cầu. Đại dịch Covid-19 mà cụ thể là biến chủng Omicron đã suy giảm đáng kể và được tin là sẽ không tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022. Ngành Dịch vụ phục hồi mạnh mẽ sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch. Rủi ro lạm phát và tỷ giá hối đoái gia tăng, cụ thể như sau:

- ▶ GDP tăng 7,72% so với cùng kỳ trong Quý 2/2022, đạt mức tăng trưởng hàng quý cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Sáu tháng đầu năm 2022, GDP tăng trưởng 6,42% và đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ sáu tháng đầu năm năm 2019 (7,0%) và cao hơn so với mức tăng trưởng trung bình của giai đoạn trước đại dịch 2015–2019 (6,36%). Ngành Công nghiệp & Xây dựng vẫn là trụ cột tăng trưởng chính (+8,9% trong Quý 2 và +7,7% trong 6 tháng đầu năm), trong đó ngành Chế biến, Chế tạo đóng góp nhiều nhất (+11,5% trong Quý 2 và +9,7% trong 6 tháng đầu năm). Ngành Khai khoáng tăng 2,8% so với cùng kỳ trong sáu tháng nhờ giá nguyên vật liệu cơ bản như than và quặng tăng. Ngành Xây dựng tiếp tục phục hồi với mức tăng trưởng 3,7% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2022. Ngành Dịch vụ phục hồi tốt (+8,6% trong Quý 2 và +6,6% trong 6 tháng đầu năm). Tăng trưởng của lĩnh vực Dịch vụ chủ yếu đến từ dịch vụ bán buôn và bán lẻ tăng mạnh 5,8% so với cùng kỳ.
- ▶ Doanh thu bán lẻ thực tăng 7,9% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm, tăng từ mức 1,9% của 6 tháng đầu năm 2021 và -5,8% của 6 tháng đầu năm 2020.
- ▶ Chỉ số PMI suy giảm nhẹ trong tháng 6 2022 xuống mức 54,0 điểm nhưng vẫn cho thấy sự cải thiện đáng kể về sản lượng sản xuất, số lượng đơn hàng mới và đơn hàng xuất khẩu mới cũng như tuyển dụng.
- ▶ Xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh 17,3% so với cùng kỳ trong sáu tháng đầu năm 2022. Nhóm các ngành hàng xuất khẩu chủ lực duy trì đà tăng trưởng cao và phản ánh sự tăng trưởng của Ngành Chế biến, Chế tạo. Đáng chú ý là ngành hàng điện tử và điện thoại (tăng lần lượt 15,6% và 16,4% so với cùng kỳ) và ngành hàng dệt may và da giày (tăng lần lượt 20,8% và 13,5% so với cùng kỳ). Nhập khẩu hàng hóa tăng 15,5% so với cùng kỳ và thặng dư thương mại hàng hóa do đó giảm xuống 0,7 tỷ USD từ mức 1,5 tỷ USD vào cuối Quý 1/2022. Xuất khẩu dịch vụ cũng được cải thiện khi du khách quốc tế trở lại, và tăng mạnh 81,8 % so với cùng kỳ, đạt mức 4,3 tỷ USD.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

- ▶ Chỉ số CPI vào cuối tháng 6/2022 tăng 3,4% so với cùng kỳ, chủ yếu là do giá xăng và gas tăng, lần lượt 51,8% và 25,9% so với cùng kỳ trong sáu tháng đầu năm, đẩy chỉ số CPI tăng thêm 2,25%. Giá lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống vào cuối tháng 6/2022 cũng tăng 2,3% so với cùng kỳ. Để kiềm hãm đà tăng của chỉ số CPI, Chính phủ đã giảm thuế môi trường đối với mặt hàng xăng dầu và hạn chế mức tăng chi phí giáo dục.
- ▶ Tổng vốn FDI đăng ký giảm 13,9% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2022 nhưng giải ngân vốn FDI vẫn khả quan.
- ▶ Về tỷ giá hối đoái, đồng USD mạnh lên đã làm tỷ giá VND:USD giảm 1,9% so với quý trước và giảm 2,2% từ đầu năm.
- ▶ Tăng trưởng tín dụng đạt 9,4% sau sáu tháng. Đây là tốc độ tăng trưởng tín dụng trong nửa đầu năm cao nhất trong 10 năm kể từ mức 9,1% ở năm 2017.

2. Thị trường cổ phiếu

Sau khi đi ngang trong Quý 1, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến theo hướng kém tích cực từ đầu tháng 4 đến nửa đầu tháng 5. Chỉ số VNI sau đó đã tăng trở lại nhưng không giữ được đà hồi phục trong phần còn lại của Quý 2 và đóng cửa ở mức thấp 1.198 điểm. Với mức giảm 19,7% trong Quý 2 và giảm 20,1% sau sáu tháng, chỉ số VNI có kết quả kém hơn tất cả các chỉ số chứng khoán chính trong khu vực Đông Nam Á.

Chỉ số VNI giảm mạnh khi chịu tác động tiêu cực từ cả yếu tố trong nước và trên thế giới:

- ▶ Trong nước, Chính phủ tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm làm lạnh mạnh thị trường vốn. Lấn đọa của một số công ty trong lĩnh vực bất động sản và chứng khoán đã bị bắt do các sai phạm trong việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp và giao dịch chứng khoán niêm yết. Các diễn biến này đã ảnh hưởng đến tâm lý của nhiều nhà đầu tư. Tuy nhiên, những nỗ lực trên của Chính phủ được tin là sẽ có lợi cho sự phát triển lâu dài của thị trường vốn.
- ▶ Trên thế giới, cuộc chiến tranh của Nga ở Ucraina tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư. Ảnh hưởng nổi bật nhất là sự gián đoạn nguồn cung nhiên liệu, kim loại và nhiều mặt hàng thực phẩm. Điều đó, cùng với giãn cách xã hội ở nhiều thành phố lớn ở Trung Quốc, đã làm trầm trọng thêm tình trạng mất cân bằng cung cầu hàng hoá và góp phần khiến lạm phát cao kéo dài ở nhiều quốc gia phát triển. Cụ thể, CPI của Mỹ trong tháng 6 tăng 9,1% so với cùng kỳ. Trong bối cảnh đó, các nhà đầu tư đã dự đoán rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ đẩy nhanh việc tăng lãi suất và việc đưa lãi suất lên mức cao trong thời gian ngắn có thể khiến nền kinh tế Mỹ rơi vào suy thoái. Do đó, chỉ số S&P 500 của Mỹ đã giảm 16,4% trong Quý 2 và điều đó tác động tiêu cực đến thị trường Việt Nam.
- ▶ Do giá nhiên liệu cao làm tăng rủi ro lạm phát trong nước, NHNN đã thận trọng trong việc nới hạn mức tăng trưởng tín dụng và giám sát dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro như bất động sản. Do đó, nhiều nhà đầu tư đã lo ngại về triển vọng tăng trưởng trong ngắn hạn của các ngân hàng và công ty bất động sản và điều đó đã phần nào giải thích cho diễn biến kém tích cực của các nhóm cổ phiếu này (Tài chính: -22,7%, Bất động sản: -21,9%).
- ▶ Áp lực bán giải chấp có thể là một nguyên nhân chính khác khiến chỉ số VNI giảm mạnh. Tính đến cuối Quý 1/2022, tổng dư nợ cho vay ký quỹ của các công ty chứng khoán là hơn 200 nghìn tỷ đồng¹ (tương đương 8,7 tỷ USD). Đây là mức cao kỷ lục và tăng 80% so với cùng kỳ. Với quy mô cho vay ký quỹ lớn như vậy và tốc độ giảm mạnh của thị trường, hoạt động bán giải chấp trong Quý 2 được tin là rất lớn.

¹ Theo Vneconomy tại ngày 22/04/2022: Cho vay ký quỹ vẫn "căng" đến mức kỷ lục 201.176 tỷ đồng vào cuối Quý 1/2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỶ (tiếp theo)

2. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Tổng giá trị giao dịch (khớp lệnh và thỏa thuận) của cả ba sàn chứng khoán HSX, HNX và UPCoM trong nửa đầu năm đạt 133,5 tỷ USD (tăng 13,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 22,0% so với 6 tháng cuối năm 2021). Thanh khoản bắt đầu sụt giảm trong Quý 2 do tâm lý kém tích cực của nhà đầu tư và sức mua suy giảm sau khi bị bán giải chấp, cũng như do tác động của các cuộc điều tra về gian lận trong giao dịch chứng khoán. Các nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn đóng góp chủ yếu vào thanh khoản của thị trường vì các nhà đầu tư nước ngoài chỉ chiếm khoảng 6,6% tổng giá trị giao dịch trong sáu tháng đầu năm.

Trong sáu tháng đầu năm, 9 trong 12 ngành theo phân loại của GICS giảm giá. Loại trừ nhóm Không được Phân loại (-53,3%), ngành Vật liệu ghi nhận kết quả kém nhất (-30,6%). Ngành Công nghệ Thông tin có kết quả tốt nhất (+9,1%). Ngành Tài chính, ngành lớn nhất trong chỉ số VNI với tỷ trọng 34,6%, giảm 22,7% và đóng góp nhiều nhất vào sự sụt giảm của chỉ số VNI. Theo vốn hóa thị trường, nửa đầu năm, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn ghi nhận kết quả tốt hơn thị trường, với mức giảm 18,6%. Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ và vốn hóa trung bình có kết quả kém hơn thị trường, ghi nhận các mức giảm lần lượt là 34,4% và 29,6%.

3. Thị trường trái phiếu

Trong Quý 2/2022, Kho bạc Nhà nước phát hành 28,7 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ, tương đương 67% khối lượng phát hành trong Quý 1/2022, và chỉ bằng 27% khối lượng phát hành trong Quý 2/2021. Khối lượng phát hành chỉ hoàn thành 23% kế hoạch của quý. Tính chung 6 tháng đầu năm, 69,1 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ được phát hành, đạt 31% kế hoạch. Khối lượng phát hành thấp một mặt do cầu yếu, và mặt khác do Kho bạc Nhà nước không chấp nhận lãi suất cao. Khối lượng Dự thầu giảm mạnh từ 158,8 nghìn tỷ đồng trong Quý 1 xuống còn 94,5 nghìn tỷ đồng trong Quý 2. Khối lượng dự thầu của quý này chỉ bằng 28% khối lượng dự thầu Quý 2 năm ngoái. Mặc dù Kho Bạc Nhà nước gọi thầu khối lượng thấp hơn các quý trước, tỉ lệ Dự thầu/Gọi thầu vẫn thấp ở mức kỷ lục, 1,5 lần.

Dưới áp lực căng thẳng thanh khoản hệ thống ngân hàng, lo ngại về lạm phát ngày càng gia tăng, tiền đồng mất giá, lợi tức Trái phiếu Chính phủ tiếp tục tăng trong Quý 2. Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 3-5 năm, sau khi tăng mạnh 90-100 điểm phần trăm trong Quý 1, tăng tiếp 60-65 điểm phần trăm lên mức 2,28%-2,38% vào cuối Quý 2. Lợi tức trái phiếu kỳ hạn 10-15 năm tăng mạnh nhất khoảng 80-85 điểm phần trăm và kết thúc quý ở mức 3,25%-3,45%. Lợi tức trái phiếu 20-30 năm khá ổn định trong Quý 1, nhưng đã bắt đầu tăng nhanh trong Quý 2, khoảng 50-60 điểm phần trăm.

94,7 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp được phát hành riêng lẻ trong Quý 2/2022. Khối lượng phát hành cao hơn Quý 1/2022 (61,3 nghìn tỷ) nhưng thấp hơn đáng kể so với Quý 2/2021 (200,4 nghìn tỷ đồng). Thị trường sơ cấp kém sôi nổi một phần do Thông tư 16/2021/TT-NHNN có hiệu lực từ 15/01/2022 thắt chặt việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại và một phần do việc khởi tố một số lãnh đạo của Tập đoàn Tân Hoàng Minh do có các hành vi lừa đảo nhà đầu tư trái phiếu. Chỉ có một đợt phát hành ra công chúng với khối lượng 300 tỷ được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

Lợi tức trái phiếu doanh nghiệp không có biến động so với quý trước. Trái phiếu tăng vốn cấp 2 kỳ hạn 8 năm của ngân hàng thương mại nhóm 1 có lãi suất chênh lệch 0,9% so với lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh, trong khi lãi suất của trái phiếu tương tự do các ngân hàng thương mại nhóm 2 và 3 phát hành có lãi suất chênh lệch 1,3%-1,9%. Trái phiếu phát hành bởi các công ty bất động sản và nhóm ngành khác có mức lãi suất trong khoảng 9,5% đến 10%.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	-0,06
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	-5,96
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	-6,02
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng

(a) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>	<i>Ngày 2 tháng 12 năm 2021 VNĐ (*)</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi (%)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	261.707.453.027	152.992.482.230	71,06
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	9.397,63	10.000,00	-6,02

(*) Đây là giá trị kết quả chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

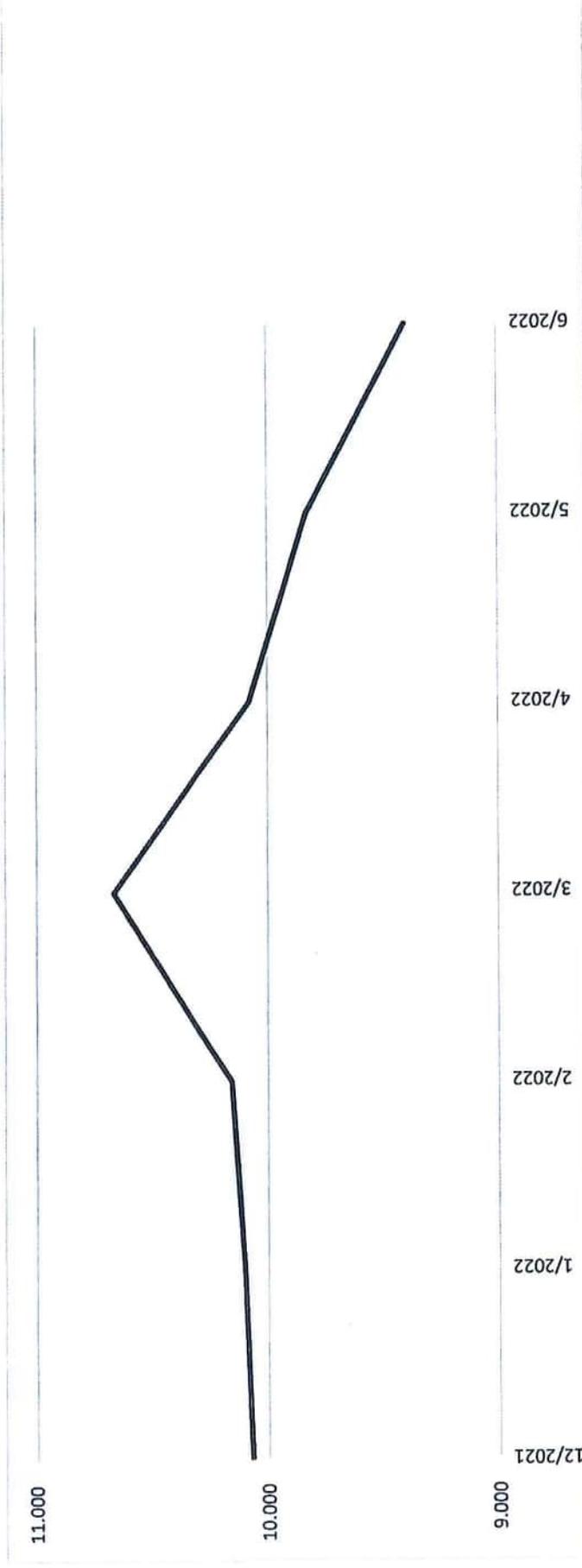
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	1.572	2.644.946,20	9,50
Từ 5.000 đến 10.000	280	2.034.193,24	7,30
Từ 10.000 đến 50.000	316	6.694.764,16	24,04
Từ 50.000 đến 500.000	69	7.191.748,37	25,82
Trên 500.000	8	9.282.574,92	33,34
Tổng cộng	2.245	27.848.226,89	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Lạm phát và đình trệ là một thực tế mà cả thế giới đang phải đối mặt. Ngân hàng Thế giới vào tháng 6/2022 đã dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ giảm tốc từ mức 5,7% trong năm 2021 xuống 2,9% trong năm nay, thấp hơn khá nhiều so với dự báo 4,1% trong báo cáo tháng 1. Cùng lúc, lạm phát đã gia tăng ở hầu hết các quốc gia. Quan trọng hơn, bằng việc tăng lãi suất gấp rút trong nỗ lực kiềm chế lạm phát, rủi ro các nền kinh tế lớn rơi vào suy thoái ngày càng tăng cao. Cứng theo Ngân hàng Thế giới, ngay cả khi rủi ro suy thoái được ngăn chặn, ảnh hưởng của lạm phát và đình trệ có thể kéo dài trong nhiều năm, trừ khi chuỗi cung ứng toàn cầu cho thấy các dấu hiệu hồi phục rõ ràng. Về mặt tích cực, giá hàng hóa đã giảm đáng kể trong thời gian gần đây sau khi FED quyết liệt tăng lãi suất và khi rủi ro suy thoái cao hơn. Điều này mang lại hy vọng rằng lạm phát ở Mỹ có thể đã đạt đỉnh và sẽ bắt đầu giảm từ tháng 7 năm nay. Bên cạnh đó, mặc dù các tổ chức dự báo cho rằng rủi ro suy thoái là cao hơn nhưng hầu hết đều nhận định rằng mức độ suy thoái chỉ từ nhẹ đến trung bình.

Mặc dù đối diện với nhiều thách thức trên toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn diễn biến tích cực. Cụ thể, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ trong khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Câu hỏi đặt ra là liệu kinh tế Việt Nam, vốn có độ mở lớn, có thể đứng vững nếu ví mô toàn cầu diễn biến theo chiều hướng xấu hơn hay không. Đã có một số dấu hiệu cho thấy số lượng đơn hàng xuất khẩu mới của một số mặt hàng chính đang chứng cứ lại. Tuy nhiên, điểm tích cực là giải ngân vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng và kì vọng sản xuất và xuất khẩu từ các công ty mới này có thể sẽ bù đắp nếu giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp hiện hữu suy giảm. Bên cạnh đó, thực tế là Việt Nam vẫn đang nhập khẩu khoảng 90% nguyên liệu đầu vào cho xuất khẩu. Do đó, nếu xuất khẩu suy giảm cũng sẽ không ảnh hưởng đáng kể đến GDP của Việt Nam. Hơn nữa, khu vực dịch vụ đang hồi phục mạnh mẽ và đây sẽ là lợi thế giúp Việt Nam duy trì đà tăng trưởng.

Về rủi ro lạm phát, áp lực tăng giá sẽ cao hơn trong những tháng tới do mặt bằng giá năng lượng và nguyên liệu sản xuất thực phẩm cao bắt đầu có ảnh hưởng sâu rộng hơn. Tuy nhiên, giá cả hàng hóa đã giảm xuống như đã đề cập ở trên và Chính phủ đã và đang rất quyết tâm kiểm soát lạm phát, cũng như NHNN cũng cần trọng hơn trong chính sách tiền tệ. Do đó, chúng tôi cho rằng CPI vẫn sẽ được kiểm soát tốt. Tương tự, khả năng đồng VNĐ mất giá mạnh là không cao khi NHNN đã sẵn sàng và đủ nguồn lực để can thiệp, dòng vốn giải ngân FDI vẫn cao và cán cân thương mại vẫn thặng dư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán đã ghi nhận một trong những quý tồi tệ nhất từ trước đến nay. Nhưng đó không phải là điều ngạc nhiên. Giá nhiều cổ phiếu được các nhà đầu tư cá nhân, vốn có ít kiến thức đầu tư và thông tin về doanh nghiệp, đẩy lên quá cao so với giá trị và sau đó đã suy giảm nhanh chóng. Áp lực bán tháo khiến định giá chung của thị trường mạnh, mặc dù kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp năm 2022 chỉ được điều chỉnh giảm nhẹ từ 22,5% xuống 19,9%², theo Bloomberg. Cụ thể, hệ số P/E dự phóng năm 2022 của VNI đã giảm xuống chỉ còn khoảng 11,3 lần hiện tại. Điều kiện vĩ mô không thuận lợi có thể khiến kỳ vọng lợi nhuận có thể tiếp tục bị điều chỉnh giảm sâu hơn và cổ phiếu tiếp tục giảm giá. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là giá cổ phiếu có thường xu hướng đi trước lợi nhuận doanh nghiệp thực tế, thay vì ngược lại. Mặc dù trong ngắn hạn còn nhiều thách thức vĩ mô và tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán nhìn chung vẫn khá tiêu cực, tiềm năng tăng trưởng cao trong dài hạn của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn rất chắc chắn. Định giá thị trường hiện tại đã ở mức hấp dẫn hơn trước và điều đó có nghĩa là tiềm năng lợi nhuận trong tương lai sẽ cao hơn.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

² Theo Bloomberg tại ngày 12/07/2022



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quý Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quý") cho giai đoạn từ ngày 02 tháng 12 năm 2021 là ngày thành lập Quý đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quý đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quý cho giai từ ngày 02 tháng 12 năm 2021 là ngày thành lập Quý đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, hạn mức đầu tư của Quý đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điểm I, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") và Điều 10, Điều lệ Quý quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quý có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quý cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại kỳ định giá ngày 08 tháng 12 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quý đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên.

Công ty Quản lý Quý đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quý để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn từ ngày 02 tháng 12 năm 2021 là ngày thành lập Quý đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, cơ cấu danh mục đầu tư của Quý đã tuân thủ quy định tại Điểm I, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quý.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quý đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quý đã phù hợp với Điều lệ Quý, Bản cáo bạch của Quý và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 02 tháng 12 năm 2021 là ngày thành lập Quý đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quý không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Trưởng phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quý

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 12906604/66770732

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 16 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 7 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

B01g-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(15.993.910.423)
02	1.1 Cổ tức được chia		1.790.111.480
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	1.441.040.597
05	1.3 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(19.225.062.500)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		363.200.962
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	363.200.962
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		3.005.248.726
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	2.444.240.254
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	59.518.326
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	89.626.344
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	101.775.161
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		72.032.258
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		80.807.976
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		72.003.288
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	85.245.119
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(19.362.360.111)
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(19.362.360.111)
31	6.1 Lỗ đã thực hiện		(137.297.611)
32	6.2 Lỗ chưa thực hiện	5	(19.225.062.500)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VIII. LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(19.362.360.111)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B01g-QM
cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022



Bà Lê Vân
Trưởng Phòng Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu



Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02g-QM

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	23.232.604.773
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		5.589.382.368
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		17.643.222.405
120	2. Các khoản đầu tư thuần		239.586.042.500
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	239.586.042.500
130	3. Các khoản phải thu		377.757.084
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		377.757.084
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	377.757.084
100	TỔNG TÀI SẢN		263.196.404.357
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	353.773.142
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15.977.030
316	3. Chi phí phải trả	8	99.003.288
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	345.300.470
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	186.390.368
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	486.007.032
320	7. Phải trả, phải nộp khác		2.500.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.488.951.330
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		261.707.453.027
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		278.482.268.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	302.212.151.700
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(23.729.882.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	12	2.587.544.238
420	3. Lỗ chưa phân phối	13	(19.362.360.111)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	12	9.397,63

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	27.848.226,89

Bà Lê Vân
Trưởng Phòng Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 GIỮA NIÊN ĐỘ

B03g-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	(19.362.360.111)
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(19.362.360.111)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	281.069.813.138
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	304.932.319.330
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(23.862.506.192)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	261.707.453.027



Bà Lê Vân
 Trưởng Phòng Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu



Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			239.586.042.500	91,03
1	ACB	325.000	24.000	7.800.000.000	2,96
2	BVH	154.000	52.500	8.085.000.000	3,07
3	BWE	212.700	51.000	10.847.700.000	4,12
4	CTD	327.500	53.800	17.619.500.000	6,69
5	DBD	224.290	41.400	9.285.606.000	3,53
6	FPT	99.600	86.200	8.585.520.000	3,26
7	GMD	151.000	52.000	7.852.000.000	2,98
8	HAX	424.000	19.400	8.225.600.000	3,13
9	HCM	425.900	20.200	8.603.180.000	3,27
10	LHG	154.300	32.800	5.061.040.000	1,92
11	MBB	334.000	24.200	8.082.800.000	3,07
12	MCM	178.800	46.400	8.296.320.000	3,15
13	MIG	241.730	24.050	5.813.606.500	2,21
14	MSB	499.000	17.000	8.483.000.000	3,22
15	MSH	43.200	51.100	2.207.520.000	0,84
16	MWG	157.000	71.500	11.225.500.000	4,27
17	NLG	293.900	35.800	10.521.620.000	4,00
18	NTC	63.700	170.000	10.829.000.000	4,11
19	PNJ	81.800	128.500	10.511.300.000	3,99
20	QNS	293.900	45.000	13.225.500.000	5,02
21	SCS	2.800	158.700	444.360.000	0,17
22	STB	1.319.800	21.500	28.375.700.000	10,78
23	TDM	211.500	41.000	8.671.500.000	3,29
24	TLG	119.400	49.600	5.922.240.000	2,25
25	VNM	20.000	72.200	1.444.000.000	0,55
26	VTP	242.700	55.900	13.566.930.000	5,18

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
II	Các tài sản khác			377.757.084	0,14
1	Dự thu cổ tức			335.220.000	0,13
2	Lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được nhận			42.537.084	0,01
III	Tiền			23.232.604.773	8,83
1	Tiền gửi ngân hàng			23.232.604.773	8,83
1.1	- Tiền gửi thanh toán			5.589.382.368	2,12
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			17.643.222.405	6,71
IV	Tổng giá trị danh mục			263.196.404.357	100

Bà Lê Vân
 Trưởng Phòng Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

B05g-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(19.362.360.111)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		19.324.065.788
	<i>Trong đó:</i>		
03	Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	19.225.062.500
04	Chi phí trích trước		99.003.288
05	3. Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(38.294.323)
20	Tăng các khoản đầu tư		(258.811.105.000)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(377.757.084)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		353.773.142
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		15.977.030
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		345.300.470
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		186.390.368
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		2.500.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		486.007.032
19	Lưu chuyên tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(257.837.208.365)
	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	304.932.319.330
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(23.862.506.192)
30	Lưu chuyên tiền thuần từ hoạt động tài chính		281.069.813.138
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		23.232.604.773

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		-
	Trong đó:		
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	23.232.604.773
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		23.232.604.773
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		21.894.072.316
	Trong đó:		
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		4.250.849.911
	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		17.643.222.405
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ		1.338.532.457
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		23.232.604.773

Bà Lê Văn
 Trưởng Phòng Kế toán Quỹ và Danh mục tài sản



Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B06g-QM

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 đồng, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 278.482.268.900 đồng, tương đương với 27.848.226,89 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung hạn và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện được quy định về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B06g-QM

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - MGF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các kỳ kế toán năm tiếp theo của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Thông tin so sánh*

Không có số liệu so sánh vì đây là báo cáo tài chính đầu tiên của Quỹ kể từ ngày thành lập.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.6 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lụy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối; nơi ngoại tệ của Quỹ đang gửi, tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất chiết khấu là một trong các mức lãi suất sau đây theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới: - Lãi suất trúng thầu; hoặc - Lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường như quy định dưới đây; giá thị trường là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, không có biến động bất thường như quy định dưới đây, tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá nhưng không quá sáu mươi (60) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
6.	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	<ul style="list-style-type: none">- Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.- Giá trái phiếu được xem là có biến động bất thường nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây:<ul style="list-style-type: none">+ Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá của cùng ngày giao dịch.+ Giá yết bình quân gia quyền (giá sạch - clean price) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán có biến động hơn +/- 3% khi so sánh với giá của kỳ báo cáo gần nhất.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế; hoặc- Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discounted cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên một (01) năm cộng lãi lũy kế; hoặc- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc- Mệnh giá cộng lãi lũy kế.- Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B06g-QM

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang chờ làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none">- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ ("VCBF").- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc+ Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	<p>Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu - Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu
Các tài sản khác		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác (tiếp theo)		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;- Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none">- Giá mua cộng lãi lũy kế (nếu có)- Phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán các khoản đầu tư được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quý phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng áp dụng cho 6 tháng đầu tiên, 24.000.000 đồng một tháng áp dụng từ tháng thứ 7. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng áp dụng cho 6 tháng đầu tiên, 16.000.000 đồng một tháng áp dụng từ tháng thứ 7. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng và không áp dụng trong 6 tháng đầu hoạt động. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng/giao dịch.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quý với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quý chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 này.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	4.250.849.911
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	1.338.532.457
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	<u>17.643.222.405</u>
	<u>23.232.604.773</u>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại					Giá trị đánh giá lại VND
	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Cổ phiếu	<u>258.811.105.000</u>	<u>239.586.042.500</u>	<u>9.378.462.500</u>	<u>(28.603.525.000)</u>	<u>(19.225.062.500)</u>	<u>239.586.042.500</u>
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập của kỳ kế toán					<u>(19.225.062.500)</u>	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

6. DỰ THU CÓ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Dự thu cổ tức	335.220.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	42.537.084
	377.757.084

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Phải trả cho các Đại lý phân phối	48.365.047
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	305.408.095
	353.773.142

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Phí kiểm toán	72.003.288
Thù lao Ban đại diện quỹ	27.000.000
	99.003.288

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	345.300.470

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	186.390.368

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	411.454.359
Phải trả dịch vụ giám sát	17.416.667
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	29.122.673
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	10.633.333
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	6.380.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000
	486.007.032

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	30.221.215,17	30.221.215,17
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	302.212.151.700	302.212.151.700
Thặng dư vốn	-	2.720.167.630	2.720.167.630
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	-	304.932.319.330	304.932.319.330
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	(2.372.988,28)	(2.372.988,28)
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	(23.729.882.800)	(23.729.882.800)
Thặng dư vốn	-	(132.623.392)	(132.623.392)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	(23.862.506.192)	(23.862.506.192)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	-	27.848.226,89	27.848.226,89
Giá trị vốn góp hiện hành		281.069.813.138	281.069.813.138
Lợi nhuận chưa phân phối		(19.362.360.111)	(19.362.360.111)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ			261.707.453.027
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ			9.397,63

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

13. LỖ CHƯA PHÂN PHỐI

Ngày 30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Lỗ đã thực hiện	137.297.611
Lỗ chưa thực hiện	19.225.062.500
	19.362.360.111

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến ngày
30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.423.747.770
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.292.827
	1.441.040.597

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến ngày
30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	363.200.962
--	--------------------

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến ngày
30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	10.633.333
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	46.750.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	2.134.993
	59.518.326

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	69.677.419
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	5.000.000
Phí ngân hàng	10.567.700
	<hr/> 85.245.119 <hr/>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Ngày 2/12/2021	152.992.482.230	15.299.243,34	10.000,00	
Kỳ 1 Tháng 12/2021	152.973.616.371	15.299.243,34	9.998,77	(1,23)
Kỳ 2 Tháng 12/2021	152.847.100.302	15.299.243,34	9.990,50	(8,27)
Kỳ 3 Tháng 12/2021	159.946.099.909	16.019.295,12	9.984,59	(5,91)
Kỳ 4 Tháng 12/2021	163.640.195.815	16.371.323,54	9.995,53	10,94
Kỳ cuối Tháng 12/2021	167.466.386.797	16.631.032,20	10.069,51	73,98
Kỳ 1 Tháng 1/2022	167.802.829.268	16.631.032,20	10.089,74	20,23
Kỳ 2 Tháng 1/2022	169.565.980.997	16.871.572,41	10.050,39	(39,35)
Kỳ 3 Tháng 1/2022	174.306.279.347	17.407.609,43	10.013,22	(37,17)
Kỳ 4 Tháng 1/2022	179.869.396.699	17.898.883,69	10.049,19	35,97
Kỳ cuối Tháng 1/2022	188.427.042.593	18.651.006,65	10.102,78	53,59
Kỳ 1 Tháng 2/2022	188.405.662.564	18.651.006,65	10.101,63	(1,15)
Kỳ 2 Tháng 2/2022	190.364.322.638	18.685.003,65	10.188,08	86,45
Kỳ 3 Tháng 2/2022	194.329.806.721	19.031.339,24	10.211,04	22,96
Kỳ 4 Tháng 2/2022	198.432.311.011	19.306.279,74	10.278,12	67,08
Kỳ cuối Tháng 2/2022	199.158.165.419	19.606.730,91	10.157,64	(120,48)
Kỳ 1 Tháng 3/2022	199.869.326.819	19.606.730,91	10.193,91	36,27
Kỳ 2 Tháng 3/2022	203.676.406.731	19.984.869,82	10.191,53	(2,38)
Kỳ 3 Tháng 3/2022	206.609.341.446	20.244.996,05	10.205,45	13,92
Kỳ 4 Tháng 3/2022	236.588.003.484	22.822.023,56	10.366,65	161,20
Kỳ 5 Tháng 3/2022	267.876.365.088	25.102.589,65	10.671,26	304,61
Kỳ cuối Tháng 3/2022	268.627.389.193	25.186.152,02	10.665,67	(5,59)
Kỳ 1 Tháng 4/2022	270.864.029.441	25.186.152,02	10.754,48	88,81
Kỳ 2 Tháng 4/2022	268.154.021.881	25.763.178,40	10.408,42	(346,06)
Kỳ 3 Tháng 4/2022	271.181.244.535	25.880.379,72	10.478,25	69,83
Kỳ 4 Tháng 4/2022	268.282.473.439	26.851.947,74	9.991,17	(487,08)
Kỳ cuối Tháng 4/2022	272.081.724.176	26.989.716,37	10.080,94	89,77

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 5/2022	272.058.091.522	26.989.716,37	10.080,06	(0,88)
Kỳ 2 Tháng 5/2022	261.946.159.568	27.146.381,29	9.649,39	(430,67)
Kỳ 3 Tháng 5/2022	255.020.130.258	27.352.091,99	9.323,60	(325,79)
Kỳ 4 Tháng 5/2022	255.940.007.762	27.350.169,51	9.357,89	34,29
Kỳ cuối Tháng 5/2022	270.771.361.277	27.544.927,88	9.830,17	472,28
Kỳ 1 Tháng 6/2022	273.753.058.053	27.692.252,84	9.885,54	55,37
Kỳ 2 Tháng 6/2022	266.035.957.606	27.970.844,75	9.511,18	(374,36)
Kỳ 3 Tháng 6/2022	249.174.434.951	27.734.927,17	8.984,13	(527,05)
Kỳ 4 Tháng 6/2022	264.998.895.518	27.764.505,16	9.544,52	560,39
Kỳ cuối Tháng 6/2022	261.707.453.027	27.848.226,89	9.397,63	(146,89)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 222.786.323.736

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ mức thấp nhất

560,39

(0,88)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

Ngày 30 tháng 6
năm 2022
(chứng chỉ quỹ)

Đến một năm

27.848.226,89

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến
ngày 30 tháng 6
năm 2022
%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

2,63

Tốc độ vòng quay danh mục

100,96

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là 239.586.042.500 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 23.958.604.250 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 23.958.604.250 đồng

21.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quý tại thời điểm cuối kỳ:

		Ngày 30 tháng 6 năm 2022	
		Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền			
-	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý mở	23.232.604.773	23.232.604.773
-	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	5.589.382.368	5.589.382.368
-	Các khoản đầu tư thuần	17.643.222.405	17.643.222.405
-	Cổ phiếu	239.586.042.500	239.586.042.500
-	Các khoản phải thu	239.586.042.500	239.586.042.500
		377.757.084	377.757.084
		263.196.404.357	263.196.404.357
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ			
	Chi phí phải trả	353.773.142	353.773.142
	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	99.003.288	99.003.288
	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	345.300.470	345.300.470
	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	186.390.368	186.390.368
	Phải trả, phải nộp khác	486.007.032	486.007.032
		2.500.000	2.500.000
		1.472.974.300	1.472.974.300

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3.*

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến ngày
30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Giá dịch vụ quản lý quỹ 2.444.240.254

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Phải trả dịch vụ quản lý quỹ 411.454.359

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến ngày
30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Thù lao Ban Đại diện Quỹ 69.677.419

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2022
VNĐ

Phải trả thù lao Ban Đại diện quỹ 27.000.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

B06g-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Tỷ lệ (%)
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	4.861.250,92	17,46
Bên liên quan khác		307.729,03	1,10
		5.168.979,95	18,56

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng áp dụng cho 6 tháng đầu tiên, 16.000.000 đồng một tháng áp dụng từ tháng thứ 7, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng và không áp dụng trong 6 tháng đầu hoạt động.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng áp dụng cho 6 tháng đầu tiên, 24.000.000 đồng một tháng áp dụng từ tháng thứ 7, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

*Cho kỳ kế toán từ ngày
2 tháng 12 năm 2021
(ngày thành lập) đến ngày
30 tháng 6 năm 2022
VNĐ*

Giá dịch vụ giám sát	89.626.344
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	10.633.333
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	46.750.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ	101.775.161
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.292.827
Phí ngân hàng	10.567.700

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

*Ngày 30 tháng 6 năm 2022
VNĐ*

Tiền gửi thanh toán	5.589.382.368
Phải trả dịch vụ giám sát	17.416.667
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	10.633.333
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	6.380.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	29.122.673

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B06g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 2 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Bà Lê Vân
Trưởng Phòng Kế toán Quý và Danh mục tài sản



Ông Võ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2022